TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2025/DS-ST
Ngày: 29-9 -2025
V/v *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Mến

2. Ông Đào Danh Tuất

Thư ký phiên tòa*:* Ông Bùi Văn Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14, thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 160/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên toà số 69/2025/QĐST-DS ngày 08/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1970 và Ông Nguyễn Hoan Th, sinh năm: 1969. Cùng địa chỉ: Ấp Bến Lội, xã Bình Châu, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Đặng Thị Thanh H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp Xóm Rẫy, xã Hồ Tràm, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Phạm Thị Ph, sinh năm: 1976 và ông Lê Hóa Kh, sinh năm: 1972. Cùng địa chỉ: Ấp Bến Lội, xã Bình Châu, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Vào ngày 03/6/2021 vợ chồng bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hoan Th có cho bà Phạm Thị Ph và ông Lê Hoá Kh vay số tiền là 200.000.000đ để đóng ghe lớn. Ngày 21/7/2022 bà Ph và ông Kh vay thêm số tiền là 150.000.000đ để mua máy điện. Việc vay tiền có giấy tay "giấy vay tiền" và có

chữ kí xác nhận của bà Phạm Thị Ph. Như vậy tổng số tiền bà Ph và ông Kh vay của ông Th, bà M là 350.000.000đ.

Tính đến nay bà Phạm Thị Ph và ông Lê Hóa Kh còn nợ bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hoan Th số tiền gốc là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng). Nay bà M và ông Th yêu cầu toà án giải quyết buộc bà Ph và ông Kh trả cho vợ chồng ông Th, bà M số tiền gốc là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng); không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn bà Phạm Thị Ph, ông Lê Hóa Kh: Theo phiếu xác minh ngày 09/6/2025 của Toà án thì kết quả xác minh bà Phạm Thị Ph, ông Lê Hóa Kh có hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay tại địa chỉ ấp Bến Lội, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (Nay là ấp Bến Lội, xã Bình Châu, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bà Phạm Thị Ph, ông Lê Hóa Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa tuy nhiên bà Ph, ông Kh vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hoan Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ: Ấp Bến Lội, xã Bình Châu, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó, theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự cho bị đơn là bà Phạm Thị Ph, ông Lê Hóa Kh. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Ph, ông Lê Hóa Kh đều vắng mặt; tại phiên tòa bà Ph, ông Kh vắng mặt lần thứ 2 không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Sự vắng mặt của Kiểm sát viên: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, thành phố Hồ Chí Minh có văn bản thông báo không tham gia phiên toà với lý do vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung:

Về nợ gốc: Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hoan Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Ph, ông Lê Hóa Kh phải trả cho bà M, ông Th số tiền nợ gốc là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Hiện bà Ph, ông Kh còn nợ bà M, ông Th số tiền là 350.000.000đ. Bà M, ông Th đã cung cấp cho Toà án giấy tay "giấy vay tiền" ngày 3/6/2021 với số tiền vay là 200.000.000đ và giấy tay "giấy vay tiền" ngày 21/7/2022 với số tiền vay là 150.000.000đ; 02 giấy tay "giấy vay tiền" đều có chữ kí mang tên Phạm Thị Ph. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Ph, ông Kh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà M, ông Th và cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán số tiền 350.000.000đ cho bà M, ông Th mặc dù bà Ph, ông Kh đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về nội dung vụ án và vẫn sinh sống tại địa phương; do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Như vậy việc bà Ph, ông Kh vay bà M, ông Th số tiền 350.000.000đ là có thật, mặc dù đã được bà M, ông Th cho thời gian để trả nợ nhưng cho đến nay bà Ph, ông Kh vẫn chưa trả số tiền trên cho bà M, ông Th nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, ông Th buộc bà Ph, ông Kh phải có nghĩa vụ trả cho bà M, ông Th số tiền vay còn thiếu là 350.000.000 đồng.

Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hoan Th không yêu cầu bà Phạm Thị Ph và ông Lê Hóa Kh phải trả tiền lãi. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái với các quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tiền lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hoan Th được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Phạm Thị Ph và ông Lê Hóa Kh phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hoan Th về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Phạm Thị Ph và ông Lê Hóa Kh phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Hoan Th số tiền nợ là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Ph và ông Lê Hóa Kh phải nộp 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hoan Th và bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ông Nguyễn Hoan Th và bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000đ (tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002583 ngày 22 tháng 05 năm 2025 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc (Nay là Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 14 TP.Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thu Hiền